

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BÀN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/09/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO	7:25	22	0		22	0	
2		TD1+P1	7:25	21+0	0+0		20+2	0+0	
3		RP3	7:25	22	0		22	0	
4		RP1	9:25	22	0		22	0	
5		VSP02+RC8	9:25	19+3	0+0		19+3	0+0	
6		RCDM+CLO	9:25	14+8	0+0		8+10	0+0	
7		CLO+P6+TD1	11:25	17+0+4	0+0+0		14+0+4	0+0+0	Chuyen 2 CLO- TD1chuyen2 P6-TD1
8		RP3+RC5	11:25	16+6	0+0		12+10	0+0	
9		TD1	11:25	22	0		19	0+0	
10		P2+VSP02	13:25	8+14	0+0		4+18	0+0	
11		PPD+RP3	13:25	20+2	0+0		5+12	0+0	
12		MRM+P2+RC4	13:25	5+10+7	0+0+0		2+1+11	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: CLO	CREW: Dương - ĐNam - QTrưởng	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG VĂN HÙNG	CLO	73	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	57	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	70	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN TRUNG THANH	CLO	60	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	59	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	58	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	56	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÌNH ĐỨC TIỀN	CLO	77	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN BUI QUANG	CLO	01	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN KIM HÙNG	CLO	63-64	2	18		72	KHOAN	Vietnamese
11	LƯƠNG NGỌC KHUÔNG	CLO	78-79	2	10	120	78	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM TẤT LỰC	CLO	74-75	2	15		65	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM MINH HOÀNG	CLO	62	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HOÀNG TRƯỜNG	CLO	72	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM ĐÌNH THỤ	CLO	66	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN ĐÌNH	CLO	76	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ MINH HIỆP	CLO	71	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN THÀNH	CLO	61	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN THANH TÂM	CLO	86	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ HUY TUYẾN	CLO	69	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN ĐĂNG KHOA	CLO	65	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	CLO	67-68	2	8		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	26	141	1.533	120	22		
TOTAL		22	26	141	1.533	120	22		
WEIGHT KG				141	1.533	120			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2023	TO: TD1 - P1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Sơn - Toan	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	STESHIN VALERIY	TD1	63	1	13		167	KHOAN	Russian
2	NGUYEN LAM GIANG	TD1	83-85	3	14		75	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN VIET HUNG	TD1	62	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM CONG TIEN	TD1	02	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
5	LE VAN NGUYEN	TD1	01	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
6	ĐANG THÔNG TRI MÀN	TD1	76	1	12		61	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN CHIEN THANG	TD1	81-82	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
8	MAI XUAN TUNG	TD1	77	1	2		76	KHOAN	Vietnamese
9	VU MANH HAI	TD1	462	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN-TRUONG-DUONG	TD1	04	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN QUANG SANG	TD1	03	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
12	TRINH CAO TRONG	TD1	55	1	10	14	72	KHOAN	Vietnamese
13	VU TA HOANG ANH	TD1	57-58	2	7		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN DUNG	TD1	78-79	2	6		69	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TUYEN	TD1	80	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	SHMAKOV ALEXANDER	TD1	61	1	6		78	KHOAN	Russian
17	NGUYEN TIEN DUNG	TD1	201,64	2	16		89	PVDWS	Vietnamese
18	NGO VAN CUONG	TD1	56	1	13		66	PVDWS	Vietnamese
19	TRAN NGOC THAI	TD1	59	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
20	ĐOÀN TUẤN TÚ	TD1	87-88	2	7		80	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN THIEN TUAN	TD1	86	1	3		66	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	21	28	164	1.591	14	20		
2	P1	0	0	0	0	35	2		
TOTAL		21	28	164	1.591	49	22		
WEIGHT KG				164	1.591	49			

GRAND TOAL: 1.804 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: RP3	CREW: CHIẾN - Mạnh - HIẾU	ETA: 09:30
VANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC KHIÊM	RP3	42	1	4		87	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG CÔNG THỊNH	RP3	53	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN ANH ĐÔNG	RP3	45-46	2	8		80	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐO QUANG TỎ	RP3	43	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN SỸ ĐIỆP	RP3	49	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUY HAI	RP3	47	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	CAO ĐỨC THANH	RP3	41	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ QUANG HÙNG	RP3	58	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
9	TẠ PHI KHANH	RP3	59	1	2		70	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TƯƠNG	RP3					72	KHI	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TRÁ	RP3	51	1	7		68	KHI	Vietnamese
12	BUI XUÂN KHANG	RP3	52	1	9		82	KHI	Vietnamese
13	VŨ THANH TUÂN	RP3	50	1	10		84	KHI	Vietnamese
14	VŨ TRONG QUYNH	RP3	40	1	5		67	KHI	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THIÊN	RP3	38-39	2	13		62	KHI	Vietnamese
16	PHẠM MINH TOÀN	RP3	60-62	3	20	100	56	YTE	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC CHÂN	RP3	48	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM QUỐC CHE	RP3	37	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TẤT THANH	RP3	56	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG SOAI	RP3	44	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÌNH QUANG THANH	RP3	54-55	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM XUÂN HOANG	RP3	57	1	10		89	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	26	152	1.601	100	22		
TOTAL		22	26	152	1.601	100	22		
WEIGHT KG				152	1.601	100			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: RP1	CREW: Dương - ĐNam - QTrưởng	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY TÂM	RP1	54	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
2	QUACH VAN THAO	RP1	66	1	10	75	70	YTE	Vietnamese
3	TRẦN TUẤN ANH	RP1	62	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI NGOC LONG	RP1	55	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN BAO TRUNG	RP1	60	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO VĂN THANH	RP1	52	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1	10	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	56	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRI KHANH	RP1	11	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ BÀ NẾP	RP1	63	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NĂNG	RP1	13	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	PHUNG ĐẠI DƯƠNG	RP1	58-59	2	13		72	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH VĂN LIÊN	RP1	51	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG TÍN	RP1	67	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	RP1	57	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
16	TÀNG THANH DÂN	RP1	53	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	48	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN XUÂN THANH	RP1	64-65	2	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	12	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG TRỌNG GIAO	RP1	61	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN TRỌNG HIỆU	RP1	49	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN MINH BANG	RP1	50	1	5		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	22	24	123	1.583	75	22		
TOTAL		22	24	123	1.583	75	22		
WEIGHT KG				123	1.583	75			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2023	TO: VSP02 - RC8	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Sơn - Toan	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ TÂN LINH	VSP02	08	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG NGỌC CUÔNG	VSP02	06	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
3	SERGENKO S.	VSP02	15	1	6		80	KH-THAC	Russian
4	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	07	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
5	DUCHENKO A.	VSP02	14	1	6		135	KH-THAC	Russian
6	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	11	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN KINH	VSP02					65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH THAO	VSP02	09	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM DUY QUANG	VSP02					68	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02				20	80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN DỰ	VSP02	16-17	2	15		72	YTE	Vietnamese
12	ĐỖ QUỐC TRINH	VSP02	03	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	05	1	10	35	66	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	13	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	12	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI NGUYỄN QUANG	VSP02	04	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM TRỌNG TUẤN	VSP02	02	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI XUÂN TIẾN	VSP02	10	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
19	DƯƠNG NHẬT THANH	RC8	02	1	17		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯƠNG TUẤN ANH	RC8	03	1	8	20	80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TẤT TÂM	RC8	04-05	2	7		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	18	16	96	1.320	55	19		
2	RC8	3	4	32	203	20	3		
TOTAL		21	20	128	1.523	75	22		
WEIGHT KG				128	1.523	75			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	TO: RCDM - CLO	CREW: CHIẾN - Mạnh - HIẾU	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG ĐÌNH HÒA	RCDM	14-15	2	12		59	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ NGỌC DỪNG	RCDM	16	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG HỮU SƠN	RCDM	12-13	2	10		76	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN BUI NAM	RCDM	10-11	2	7		96	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH HAI	RCDM	17	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
6	CHU TIẾN BÌNH	RCDM	08	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH MINH TRÍ	RCDM	09	1	4		49	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN DUY TIẾN	RCDM	18-19	2	15	35	71	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN MẠNH HÙNG	RCDM	20-21	2	15	40	64	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG THANH SƠN	RCDM	22	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
11	VUÔNG MAI	RCDM	23-24	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HUÂN	RCDM	25	1	10		81	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐO NHẬT QUI	RCDM	26-27	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
14	HỒ TRỌNG BĂNG	RCDM	07	1	5		74	PSV	Vietnamese
15	TÔ ANH TUẤN	CLO	93	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN MẠNH	CLO	88	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VĂN TUẤN	CLO	87	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN NGỌC AN	CLO					75	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ QUANG TUYẾN	CLO	91-92	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HÂN	CLO	94	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
21	TU TUẤN TỰ	CLO	89-90	2	8		87	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN LẠ	CLO					69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	14	21	145	947	75	8		
2	CLO	8	8	40	594	0	10		
TOTAL		22	29	185	1.541	75	18		
WEIGHT KG				185	1.541	75			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	TO: CLO - P6 - TD1	CREW: KHOAN - MTHAO - MUÂN	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN HUY	CLO	32	1	16	30	85	KH-THAC	Vietnamese
2	VU DINH DAI	CLO	30-31	2	18		66	KH-THAC	Vietnamese
3	YANCHENKO SERGEY	CLO	22	1	11		80	ANTOAN	Russian
4	KRAVTSOV ALEXANDR	CLO	20	1	15		70	DVL	Russian
5	VO CHI THANH	CLO	35-36	2	20		74	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN MINH THAO	CLO	38	1	17		70	DVL	Vietnamese
7	BUI DUC TRUNG	CLO	29	1	10		60	DVL	Vietnamese
8	DO TRONG HIEN	CLO	33-34	2	15		70	DVL	Vietnamese
9	PHAM XUAN HUNG	CLO	37	1	13		70	DVL	Vietnamese
10	VU MANH NAM	CLO	28	1	17		75	DVL	Vietnamese
11	NGUYEN DUY DONG	CLO					71	PSV	Vietnamese
12	VU MANH HUONG	CLO	21	1	5		50	PSV	Vietnamese
13	NGO THE ANH	CLO	23	1	6		66	PSV	Vietnamese
14	LUU VAN TRONG	CLO	25	1	3		58	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN VAN CUONG	CLO	24	1	7		56	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TUAN	CLO	26	1	4		78	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VIET HA	CLO	27	1	12		73	PSV	Vietnamese
18	LAI DUC LAM	TD1	05	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	TRINH HUU NGHIA	TD1	04	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
20	VU THANH CONG	TD1	02-03	2	8		70	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM VAN HUNG	TD1	01	1	5		56	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	17	19	189	1.172	30	14	72	CHUYEN 2 PAX CLO-TD1
2	P6	0	0	0	0	15	0	72	CHUYEN 2 PAX P6-TD1
3	TD1	4	5	22	263	0	4		
TOTAL		21	24	211	1.435	45	18		
WEIGHT KG				211	1.435	45			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2023	TO: RP3 - RC5	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: TTrung - XTrường - Vũ	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH TUNG	RP3	79	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HIEN	RP3	80	1	12		84	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU MAU	RP3	76	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ THANH LAM	RP3	69	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	73	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐANG HAI HÀ	RP3	70	1	16		80	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VIỆT HÙNG	RP3	71	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP3	77	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ CÔNG HUNG	RP3	82	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	83	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TIỀN	RP3	81	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	72	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐẠI KHOA	RP3	78	1	17		64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY KHÂM	RP3	74	1	7		70	KHI	Vietnamese
15	TRIỆU VĂN ĐÔNG	RP3	75	1	6	60	82	KHI	Vietnamese
16	HUYNH THIÊN TAM	RP3	84-85	2	12	15	72	KHI	Vietnamese
17	CAO THANH HỢP	RC5	20	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI QUỐC VIỆT	RC5					79	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC TÚ	RC5	21	1	5	15	78	KH-THAC	Vietnamese
20	TÔ TIỀN DUNG	RC5	16	1	9	17	74	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ QUÝ TOÀN	RC5	22	1	3	20	63	KH-THAC	Vietnamese
22	VÔ HUY HOÀNG	RC5	15	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	17	121	1.122	75	12		
2	RC5	6	5	37	439	52	10		
TOTAL		22	22	158	1.561	127	22		
WEIGHT KG				158	1.561	127			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:20
FLIGHT: 09	TO: TD1	CREW: Linh - N.ANH - Thành	ETA: 14:10
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI NGOC QUANG	TD1	15	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN PHI HUNG	TD1	09	1	8		85	KHOAN	Vietnamese
3	DO QUANG LUC	TD1	10	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
4	VU QUY VINH	TD1	12-13	2	9		74	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN CAO TUAN	TD1	22-23	2	15		66	CODIEN	Vietnamese
6	CAO XUAN DUNG	TD1	17	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN HONG SON	TD1	29-30	2	15		69	CODIEN	Vietnamese
8	HA QUANG HUY	TD1	25-26	2	15		68	CODIEN	Vietnamese
9	ĐANG VAN GIANG	TD1	20-21	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HANH	TD1	18-19	2	15	30	52	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN DUNG	TD1	06	1	15		71	ANTOAN	Vietnamese
12	LE THANH TRUNG	TD1	14	1	16		69	DVL	Vietnamese
13	LE VAN NGOC	TD1	08	1	6		78	PSV	Vietnamese
14	PHAM THE THUAN	TD1	04	1	6		72	PSV	Vietnamese
15	TRIEU MINH HONG	TD1	03	1	9		69	PSV	Vietnamese
16	HOANG NGOC KHANH	TD1	11	1	6		74	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN AI	TD1	16	1	4		53	PSV	Vietnamese
18	ĐAU ĐUC HUNG	TD1	07	1	7		70	PSV	Vietnamese
19	PHAM HONG DIEN	TD1	02	1	5		68	PSV	Vietnamese
20	TONG VAN THE	TD1	24	1	15		79	SCHLUMB	Vietnamese
21	VÔ TÂN HOA	TD1	27-28	2	15	8	72	SCHLUMB	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC THACH	TD1	05	1	10		56	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	29	225	1.510	38	19		
TOTAL		22	29	225	1.510	38	19		
WEIGHT KG				225	1.510	38			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2023	TO: P2 - VSP02	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: XHOÀN - MTHAO -	ETA: 16:20
NAU-4		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN NAM	P2	74	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
2	VU VAN CUONG	P2	73	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐANG QUỐC VIỆN	P2	75	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
4	THAI HOANG TAM	P2	69	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ CÔNG ANH	P2	71	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG DINH QUE	P2	72	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THIEN NAM	P2	76	1	3	65	67	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI THO DUNG	P2	68	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	VU THAI SON	VSP02	30	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
10	HA MANH THANG	VSP02	24	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI HUY BINH	VSP02	28	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
12	TÔ VĂN HÙNG	VSP02	37	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02					67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ TRUNG DUNG	VSP02	27	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HỮU TRI	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	VSP02	23	1	7	34	79	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HỮU KHANH	VSP02	26	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯU SƠN	VSP02	36	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ XUÂN HÙNG	VSP02	31-32	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ MẠNH HÙNG	VSP02	25	1	10		75	ANTOAN	Vietnamese
21	ĐỖ LY KHANH	VSP02	29	1	10		87	PSV	Vietnamese
22	VÔ XUÂN TOÀN	VSP02	33	1	5		84	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	8	8	39	562	65	4		
2	VSP02	14	13	81	993	34	18		
TOTAL		22	21	120	1.555	99	22		
WEIGHT KG				120	1.555	99			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

pilot lấy rời



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2023	TO: PPD - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:35
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: TTrung - XTrường - Vũ	ETA: 16:25
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	05	1	5		68	KHI	Vietnamese
2	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	07	1	5		70	KHI	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	12-13	2	25		69	KHI	Vietnamese
4	PHẠM HỒNG THAI	PPD	11	1	4		66	KHI	Vietnamese
5	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	01	1	7		75	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	04	1	6		78	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	10	1	11		50	KHI	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN BAN	PPD					79	KHI	Vietnamese
9	ĐINH NGỌC QUY	PPD	08	1	6		70	KHI	Vietnamese
10	ĐẶNG HỒNG QUAN	PPD	09	1	4		78	KHI	Vietnamese
11	TRINH HOANG THEM	PPD	03	1	5		67	KHI	Vietnamese
12	ĐẠO VIỆT HÙNG	PPD	88	1	11		60	KHI	Vietnamese
13	TRẦN BÌNH ĐỨC	PPD	06	1	6		72	KHI	Vietnamese
14	PHAN MẠNH TOÀN	PPD	13-14	2	10		72	KHI	Vietnamese
15	VŨ VĂN THƯỜNG	PPD	89	1	8	110	74	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN HOANG TUÂN	PPD	90	1	5		80	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG HÂN	PPD	02	1	8		81	KHI	Vietnamese
18	TRẦN ĐẠI LƯỢNG	PPD	91-92	2	11		75	KHI	Vietnamese
19	NIE WUDE	PPD	11-12	2	15		68	KHI	Singapore
20	TRẦN NAM TRUNG	PPD	08-10	3	25		79	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN MẠNH TINH	RP3	28-29	2	13		70	KHI	Vietnamese
22	TRẦN HOANG HAI	RP3	30	1	4		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	20	25	177	1.431	110	1		
2	RP3	2	3	17	138	0	12		
TOTAL		22	28	194	1.569	110	13		
WEIGHT KG				194	1.569	110			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:40
FLIGHT: 12	TO: MRM - P2 - RC4	CREW: Linh - N.ANH - Thành	ETA: 16:30
VANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LYAKHNOVICH LEONID	MRM	17	1	11		84	AMNGR	Russian
2	TRẦN VĂN NGHĨA	MRM	13	1	15		85	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THỦ	MRM	12	1	16		65	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC LONG	MRM	10-11	2	14		67	DVL	Vietnamese
5	LƯU BA XÔ	MRM	14-16	3	18		77	DVL	Vietnamese
6	LÊ HUY TIỀN HAI	P2	49	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN TUẤN ANH	P2	40-41	2	7	59	64	CODIEN	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN THANH	P2	42	1	6		84	CODIEN	Vietnamese
9	VŨ NGỌC CÀNH	P2				24	83	CODIEN	Vietnamese
10	BUI VIỆT HẠNH	P2	44	1	9		46	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THIỀU	P2	38	1	18	26	70	CODIEN	Vietnamese
12	PHẠM BA SINH	P2	50-51	2	11		72	KHI	Vietnamese
13	VŨ ĐỨC HOÀNG	P2	48	1	8		68	KHI	Vietnamese
14	ARTYUSHIN SERGEY	P2	46-47	2	19		87	ANTOAN	Russian
15	TRẦN MINH THI	RC4	08	1	9		108	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU TOÀN	RC4	07	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG TRUNG HIỀU	RC4	06,10	2	12		71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH SƠN	RC4	09	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC ANH	RC4	71	1	14		93	ANTOAN	Vietnamese
20	NGÔ VĂN TÍNH	RC4	72-73	2	19		61	ANTOAN	Vietnamese
21	TRẦN CAO MONG	RC4	74	1	5		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	5	8	74	378	0	2		
2	P2	9	11	86	643	109	2		
3	RC4	7	9	74	536	0	11		
TOTAL		21	28	234	1.557	109	15		
WEIGHT KG				234	1.557	109			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN